

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA THIẾT KẾ THỜI TRANG VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5810404

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-CDKTKT ngày 20 tháng 7 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

NĂM 2026



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành: 5810404

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS) hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2 năm học

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Ngành Chăm sóc sắc đẹp là lĩnh vực đào tạo chuyên sâu về các kỹ thuật làm đẹp, chăm sóc và duy trì vẻ đẹp toàn diện cho con người. Người học được trang bị kiến thức về da, tóc, móng, trang điểm, massage, spa, và chăm sóc chuyên sâu nhằm giúp khách hàng tự tin và khỏe mạnh hơn. Ngành này đòi hỏi sự khéo léo, tinh tế, thẩm mỹ cao cùng tinh thần phục vụ tận tâm. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các spa, salon, trung tâm thẩm mỹ, hoặc tự mở cơ sở kinh doanh dịch vụ làm đẹp. Đây là ngành có nhu cầu lao động cao, phù hợp với những ai yêu thích cái đẹp và mong muốn mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng. Bên cạnh kỹ năng nghề, người học còn được rèn luyện thái độ chuyên nghiệp, khả năng giao tiếp và ứng xử văn minh trong phục vụ khách hàng. Ngành Chăm sóc sắc đẹp không chỉ giúp nâng cao ngoại hình mà còn góp phần xây dựng phong cách sống tự tin, hiện đại và văn minh.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chăm sóc sắc đẹp là ngành, nghề mà người hành nghề thực hiện chăm sóc các dịch vụ thiết yếu như chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm thẩm mỹ; tư vấn chăm sóc khách hàng; quản lý vận hành cơ sở làm đẹp, nâng cao tay nghề và cập nhật công nghệ máy móc phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người làm việc trong lĩnh vực ngành, nghề Chăm sóc sắc đẹp trực tiếp tham gia chăm sóc da, thiết kế các bộ móng nghệ thuật, trang điểm nghệ thuật theo xu hướng của thời đại, vận hành, phát triển kinh doanh dịch vụ, quản lý nhân sự và các bộ phận kỹ thuật viên trực tiếp hành nghề trong điều kiện an toàn đảm bảo về dịch tễ. Họ có thể đảm nhiệm vai trò, chức trách của cán bộ quản lý, kỹ thuật viên trong các trung tâm làm đẹp, tự thành lập và làm chủ cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức:

2.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Biết được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong học tập, rèn luyện, lao động và các hoạt động khác;
- Biết được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản;
- Biết được các kiến thức về ngoại ngữ cơ bản.

2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;

- Trình bày được ý nghĩa và lịch sử phát triển của ngành làm đẹp, tổng quan sự phát triển các phong cách làm đẹp trên thế giới;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích, lựa chọn được biện pháp chăm sóc sắc đẹp phù hợp với đối tượng cụ thể;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da, tóc, móng cơ bản;
- Thực hiện thành thạo các bước trang điểm từ cơ bản đến nâng cao;
- Thiết kế, tạo mẫu được các kiểu tóc, móng thời trang và ấn tượng theo chủ đề hoặc theo sở thích;
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật massage bấm huyệt cơ bản.

2.2.2. Kỹ năng:

2.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lựa chọn được các sản phẩm chăm sóc da phù hợp với từng loại da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân;
- Phân biệt được các loại mặt nạ chăm sóc da;
- Phân tích được các loại da, tình trạng da và tác dụng của chăm sóc da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc móng, thiết kế tạo hình móng;
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng yêu cầu;
- Thực hiện thành thạo quy trình massage, bấm huyệt;
- Thực hiện thành thạo các thao tác Massage chăm sóc da và chăm sóc toàn thân;
- Sử dụng an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp.

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Rèn luyện kỹ năng chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách hàng;
- Sử dụng được tiếng Anh vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.
- Xây dựng kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc độc lập, nhóm trong tương lai

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;



- Thân thiện, cởi mở, sẵn sàng phục vụ và đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng của khách hàng;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong quá trình tác nghiệp.

- Tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp: Tôn trọng sự khác biệt, tính đa dạng của các nền văn hóa khác nhau trong tạo mẫu, trung thực, không sao chép mẫu thiết kế của người khác.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;

- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;

- Chăm sóc da mặt;

- Chăm sóc da toàn thân;

- Chăm sóc móng;

- Thiết kế, tạo hình móng nghệ thuật;

- Trang điểm;

- Massage bấm huyệt;

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1485 giờ, (tương đương: 58 tín chỉ)

- Số lượng môn học, mô đun: 21

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ, (tương đương: 11 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1230 giờ (tương đương: 47 tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 399 giờ (26.8%);

- Khối lượng thực hành, thực tập: 1047 giờ (73.2 %).

5. Bảng tổng hợp năng lực ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng và thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2	NLCB-02	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

3	NLCB-03	Tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.
4	NLCB-04	Luôn có cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
5	NLCB-05	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
6	NLCB-06	Ứng dụng được Tin học căn bản trong học tập, làm việc và đời sống.
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
7	NLCL-01	Trình bày được nguyên tắc hoà sắc, bố cục hoạ tiết, trang trí ứng dụng.
8	NLCL-02	Trình bày kiến thức tổng quan về ngành chăm sóc sắc đẹp
9	NLCL-03	Trình bày được những kiến thức cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn,
10	NLCL-04	Ứng dụng được anh văn chuyên ngành
11	NLCL-05	Ứng dụng được kỹ năng tư vấn khách hàng
III Năng lực nâng cao		
12	NLNC-01	Thực hiện được các qui trình chăm sóc da cơ bản
13	NLNC-02	Thực hiện được các qui trình chăm sóc da nâng cao
14	NLNC-03	Thực hiện được các qui trình chăm sóc, tạo mẫu tóc
15	NLNC-04	Thực hiện được các qui trình massage, body, bàn chân
16	NLNC-05	Thực hiện chăm sóc và sơn vẽ móng theo đúng qui trình
17	NLNC-06	Thực hiện sơn vẽ thiết kế móng
18	NLNC-07	Thực hiện được các qui trình trang điểm cơ bản
19	NLNC-08	Thực hiện được các qui trình trang điểm nâng cao
20	NLNC-09	Thực tập tốt nghiệp
21	NLNC-10	Thực hiện được quy trình nhuộm và thiết kế tóc

6. Nội dung chương trình:

STT	Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ /bài tập/thảo luận	Kiểm Tra
I	Các môn học chung		11	255	94	148	13
1	MH2108019	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	MH2108103	Pháp Luật	1	15	9	5	1
3	MH2109105	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2

4	MH2109020	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
5	MH2072600	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
6	MH2101260	Tin học	2	45	15	29	1
II	Các môn học, mô đun chuyên môn		45	1230	305	899	26
II.	Môn học, mô đun cơ sở		12	210	145	58	7
7	MĐ2062620	Vẽ mỹ thuật	3	75	15	58	2
8	MH2062621	Tổng quan về ngành chăm sóc sắc đẹp	3	45	43	0	2
9	MH2062622	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	29	0	1
10	MH2062624	Anh văn chuyên ngành	2	30	29	0	1
11	MH2062623	Kỹ năng tư vấn khách hàng	2	30	29	0	1
II.	Môn học, mô đun chuyên môn		30	855	135	705	15
12	MĐ2062625	Kỹ thuật chăm sóc da cơ bản	3	75	15	58	2
13	MĐ2062626	Kỹ thuật chăm sóc da nâng cao	4	105	15	87	3
14	MĐ2062627	Chăm sóc-Tạo mẫu tóc cơ bản	3	75	15	58	2
15	MĐ2062628	Kỹ thuật massage	4	90	30	58	2
16	MĐ2062629	Chăm sóc móng cơ bản	3	75	15	58	2
17	MĐ2062630	Đắp móng - Vẽ tạo hình móng	4	90	30	58	2
18	MĐ2062631	Kỹ thuật trang điểm cơ bản	3	75	15	58	2
19	MĐ2062633	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
II.	Môn học, mô đun tự chọn		5	165	25	136	4
	MĐ2062634	Khoá luận tốt nghiệp	5	225	0	225	0
20	MĐ2062632	Kỹ thuật trang điểm nâng cao	2	90	10	78	2
21	MĐ2062636	Nhuộm -Tạo mẫu tóc	3	75	15	58	2
	Tổng cộng		58	1485	399	1047	39

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

7.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo Quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khối lượng học tập đối với các môn học chung theo quy định được quy đổi thành tín chỉ tại Phụ lục 05 của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao

đăng;

- Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ của Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Việc tổ chức giảng dạy các môn học, mô đun được thực hiện theo Kế hoạch phân bổ môn học, mô đun (BM đính kèm).

7.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

- Phương pháp, thời gian tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng chương trình môn học, chương trình mô đun.

- Thời gian kiểm tra trên lớp tính trong khối lượng của môn học, kiểm tra lý thuyết tính vào giờ lý thuyết; thời gian kiểm tra thực hành, tích hợp tính vào giờ thực hành.

7.4. Thực tập tại doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy đủ 40 tín chỉ mới được đăng ký đi thực tập tốt nghiệp;
- Người học được xét làm khóa luận tốt nghiệp khi điểm trung bình của 3 học kỳ (1,2,3) từ -- 7,0 trở lên và không bị nợ môn (hoặc phải học 2 môn thay thế), học hết chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp;

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp và các qui định liên quan để xét cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

7.5. Xét công nhận tốt nghiệp:

7.5.1. Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.

7.5.2. Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải đạt chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm theo quy định của nhà trường.

7.5.3. Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập của người học, biên bản họp xét điều kiện tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ trung cấp và các qui định liên quan để quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo qui định.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH**

P. TRƯỞNG KHOA



[Signature]

[Signature]

Nguyễn Thị Tú Trinh

Lê Chi Hiền

Phan Văn Thanh Cẩn